TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-PT
Ngày 28- 5 - 2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Minh Tâm

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bé Tư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2018/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 2 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2018/QĐ - PT ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Mười H, sinh năm 1969, có mặt.

Địa chỉ: Số 72B/5 ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn U, sinh năm 1954, có mặt.

Địa chỉ: B66 khóm 4, phường S, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:*

Bị đơn Trần Văn U kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2017, nguyên đơn Nguyễn Thị Mười H trình bày:

Về hôn nhân:

Năm 2001, bà Nguyễn Thị Mười H và ông Trần Văn U tự ý thương nhau và chung sống với nhau. Đến ngày 19/9/2013 ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu bà và ông U sống hạnh phúc đến năm 2014 cả hai phát sinh mâu thuẫn và bà đã nộp đơn xin ly hôn một lần, sau đó bà rút đơn xin ly hôn và tiếp tục chung sống nhưng càng sống chung bà càng thấy khó khăn, chán nản, vì ông U thường ghen tuông vô lý, chửi mắng bà thậm tệ trước mặt người khác, tiền bạc ông U nắm, giữ hết, tài sản tạo ra ông U cũng bán hết. Hiện nay cả hai không còn nhà phải ở đậu, ở nhờ, ông U không lo gì cho vợ con, nhiều lần đòi ly hôn bà. Do đó, bà không còn tình cảm vợ chồng với ông U. Nay cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông U.

Về con chung: Bà và ông U có một người con chung là Trần Phú Q sinh ngày 22/9/2002. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu chia đôi số tiền đặt cọc mua đất (mua nền nhà) của ông Nguyễn Văn X, ngụ tại số 81 đường 8/3, khóm 4, phường S, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nhưng nay việc mua bán không thành bà yêu cầu ông X trả lại 100.000.000 đồng, bà và ông U mỗi người nhận 50.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không yêu cầu chia tài sản chung nào khác.

Về nợ chung: Bà Mười H cam kết trong quá trình hôn nhân đến thời điểm ly hôn bà và ông U không có nợ chung

Tại các bản tự khai, các tờ tường trình và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn U trình bày:

Về hôn nhân: Ông không đồng ý yêu cầu xin ly hôn của bà Mười H do ông còn thương vợ, thương con. Qua các lần hòa giải, cụ thể tại biên bản hòa giải ngày 01/12/2017 do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục cuộc sống hôn nhân vì vậy ông đồng ý ly hôn với bà Mười H.

Về con chung: Ông U xác định có một con chung là đúng, ông đồng ý giao cháu Phú Q cho bà Mười H nuôi dưỡng và ông cho rằng bản thân đã quá tuổi lao động nên không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng theo yêu cầu của bà Mười H.

Về tài sản chung: Tiền đặt cọc mua đất của ông X là có thật nhưng số tiền 100.000.000 đồng là do con riêng của ông là Trần Thị Mỹ H tặng cho từ căn nhà B13 lấy tiền mua căn nhà B66. Đến tháng 5/2017 ông bán căn nhà B66 cho ông Trần Thanh P với giá thực tế là 400.000.000 đồng nhưng trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ ghi 200.000.000 đồng mục đích để giảm tiền nộp thuế. Trong số tiền 400.000.000 đồng ông và bà Mười H đã lấy trả nợ cho nhiều người còn lại 100.000.000 đồng đặt cọc mua đất (mua nền nhà) của ông X không thành. Ngày 20/10/2017 ông đến nhà ông X xin nhận lại tiền và đã trả nợ hết đến nay không còn nên không đồng ý chia cho bà Mười Hai 50.000.000 đồng. Ngoài ra, ông U còn xác định số tiền 100.000.000 đồng là tài sản riêng của ông, không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Về nợ chung: ông U cam kết trong quá trình hôn nhân đến thời điểm ly hôn ông và bà Mười H không có nợ chung.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 16/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xử, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 2, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 33, 51, 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 213 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

1.1 Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mười H và ông Trần Văn U.

1.2 Về nuôi con chung: công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Mười H và ông Trần Văn U về việc giao con chung và cấp dưỡng nuôi con;

- Giao con chung Trần Phú Q, sinh ngày 22/9/2002 cho bà Nguyễn Thị Mười H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Ông Trần Văn U phải đóng góp nuôi con với bà Nguyễn Thị Mười H số tiền là 650.000 đồng/ tháng (Sáu trăm năm mười ngàn đồng một tháng) cho đến khi Phú Q đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn ông U có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì bà Mười H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của ông U.

1.3 Về chia tài sản:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mười H về việc chia tài sản chung của vợ chồng đối với số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);

- Buộc ông Trần Văn U có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Thị Mười H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

Về nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/2/2018 bị đơn Trần Văn U kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần nội dung bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Mười H và ông không phải chia cho bà Mười H số tiền 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Trần Văn U giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và lý do kháng cáo của bị đơn Trần Văn U; về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Xét thấy tại phiên tòa bị đơn Trần Văn U vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Xét kháng cáo của bị đơn Trần Văn U là có cơ sở chấp nhận một phần, bởi vì: Về hôn nhân và con chung giữa ông và bà Mười H thảo thuận thuận tình ly hôn, về con chung giao cho bà Mười H nuôi dưỡng ông cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 650.000 đồng không có kháng cáo có hiệu lực pháp luật. Về tài sản chung ông U cho là số tiền 100.000.000 đồng có từ ông và bà Mười H bán nhà số B66 giá 400.000.000 đồng bà Mười H lấy 120.000.000 đồng trả tiền ngân hàng, còn lại 100.000.000 đồng là tiền đặt cọc mua đất là của ông nhưng ông đã trả nợ hết, ông U không có căn cứ gì chứng minh nên xác định số tiền 100.000.000 đồng có nguồn gốc bán căn nhà B66 là tài sản riêng của ông U nhập vào khối tài sản chung, ông U cũng thừa nhận nhưng ông không đồng ý chia cho bà Mười H là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Mười H tự nguyện rút lại một phần

yêu cầu chia ½ tài sản chung số tiền 100.000.000 đồng mà chỉ yêu cầu chia cho bà 30.000.000 đồng trong số tiền 100.000.000 đồng. Xét thấy sự tự nguyện của bà Mười H là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Trần Văn U, sửa án sơ thẩm, ông U là người cao tuổi có đơn xin miễn giảm án phí nên ông U không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá nhận định về kháng cáo, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Ngày 28/02/2018 bị đơn Trần Văn U có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm 16/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long và nộp tiền tạm ứng án phí còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân và con chung sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên các phần này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Ông U trình bày vào năm 2013 được cong gái riêng là Trần Thị Mỹ H tặng cho quyền sử dụng đất tại căn nhà B13, khi bán căn nhà B13 để mua lại căn nhà B66 thì bà Mười H và ông U không có thỏa thuận hoặc tài liệu, chứng cứ nào chứng minh tiền bán căn nhà B13 là tài sản của riêng ông U được tặng cho. Hơn nữa, căn nhà B66 ông U không đứng tên riêng hoặc xác lập quyền sở hữu tài sản riêng mà cùng bà H đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng cho ông P. Từ đó, cho thấy tuy ông U được nhận tặng cho quyền sử dụng đất từ bà Mỹ H là có thật nhưng ông đã nhập khối tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, số tiền 100.000.000 đồng là tài sản chung của bà Mười H và ông U. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bà Mười H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ

yêu cầu chia số tiền 30.000.000 đồng. Yêu cầu này của bà Mười H là phù hợp và cũng đã có xem xét đến công sức đóng góp vào khối tài sản chung của ông U nhiều hơn.

Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Văn U, sửa bản án sơ thẩm về phần chia tài sản này.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí dân sự: Do sửa án sơ thẩm về việc chia tài sản nên án phí sơ thẩm các đương sự phải chịu theo các phần tài sản được chia. Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Trần Văn U. Sửa bản án hôn nhân sơ thẩm số 16/2018/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 2, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 33, 51, 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 213 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

1.1 Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mười H và ông Trần Văn U.

1.2 Về nuôi con chung: công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Mười H và ông Trần Văn U về việc giao con chung và cấp dưỡng nuôi con;

- Giao con chung Trần Phú Q, sinh ngày 22/9/2002 cho bà Nguyễn Thị Mười H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Ông Trần Văn U phải đóng góp nuôi con với bà Nguyễn Thị Mười H số tiền là 650.000 đồng/ tháng (Sáu trăm năm mười ngàn đồng một tháng) cho đến khi Phú Q đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn ông U có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì bà Mười H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của ông U.

1.3 Về chia tài sản:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mười H về việc chia tài sản chung của vợ chồng đối với số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

- Buộc ông Trần Văn U có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Thị Mười H số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

Về nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm:

Do bị đơn Trần Văn U là người cao tuổi nên bị đơn Trần Văn U được miễn án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Mười H phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 1.550.000 đồng theo lai thu số 0002982 ngày 20/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Vậy bà Mười H được hoàn trả lại số tiền 50.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Án phí phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND CC: 01b;*
- *CA: 01b;*
- *VKSND TVL: 02b;*
- *TAND TPVL:01b;*
- *CC THADS TPVL: 01b;*
- *Các đs: 02b;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký))

Vương Minh Tâm